

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại: 08.3742.3502 - Fax: 08.3742.3500



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012**

TPHCM, THÁNG 04/2013

MỤC LỤC



NỘI DUNG	Trang
I: THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
5. Định hướng phát triển.	4
6. Các rủi ro	4
II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012	5
2. Tổ chức nhân sự.	6
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án 2012.	8
4. Tình hình tài chính.	8
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	9
III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012.	10
2. Tình hình tài chính.	10
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.	12
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.	13
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	16
IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	16

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.	16
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.	17
V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
1. Hội đồng quản trị.	17
2. Ban kiểm soát.	19
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.	19
VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012	20
1. Ý kiến kiểm toán.	20
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012.	22

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
Năm báo cáo 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305168938 thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày ngày 06 tháng 12 năm 2011.
- Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 240.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.374.23499 - 08.374.23502.
- Số fax: 08.374.23500.
- Website: catlaiport.com.vn.
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLL (đã đăng ký giữ mã với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam).

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

❖ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập vào ngày 27/08/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập chính là Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong (CINCO), nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong (hiện nay đang nắm giữ 24,38% vốn điều lệ) và Công ty Tân Cảng Sài Gòn, nay là Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (hiện nay đang nắm giữ 20% vốn điều lệ).

❖ Công ty thành lập để đầu tư xây dựng phát triển khu đất 6,2 ha và mặt nước tiếp giáp khu đất mà Công ty Liên doanh Vitaico đã di dời thành cảng liên hoàn với khu cảng container hiện hữu Tân Cảng Cát Lái của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, nhằm mục đích kết hợp phục vụ lợi ích kinh tế và an ninh - quốc phòng theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Giai đoạn từ tháng 09/2007 đến hết tháng 12/2008 Công ty triển khai xây dựng hệ thống cầu cảng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện các thủ tục và bộ máy tổ chức theo quy định chuẩn bị cho việc đưa Cảng vào kinh doanh khai thác vào đầu năm 2009.

- ❖ Ngày 07/01/2009 Cục Hàng hải Việt Nam đã cấp giấy phép chính thức đưa cầu cảng vào hoạt động. Sau hơn hai năm đưa vào hoạt động cầu tàu số 7 (B7) với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng, Công ty đã khai thác 100% công suất thiết kế với tổng lượng hàng container bình quân thông qua cảng trên 400.000 teu/năm.
- ❖ Ngày 31 tháng 07 năm 2009, Công ty thay đổi kinh doanh lần thứ 1, thay đổi số chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ theo mã số thuế là 0305168938.
- ❖ Tháng 12/2009 Công ty Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng đầu tư khai thác bến tàu 2.200 DWT (bến sà lan B7).
- ❖ Ngày 30 tháng 05 năm 2008 Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.
- ❖ Tháng 8/2011 Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 149.973.470.000 đồng lên 240.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 85/GCN- UBCK ngày 18 tháng 8 năm 2011. Công ty hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCK Nhà nước vào ngày 10/11/2011.
- ❖ Năm 2011 Công ty đầu tư tiếp một cầu bờ container dạng khung chạy trên ray (Kocks 19) tạo thành hệ thống thiết bị cầu bờ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu xếp dỡ xuất nhập tàu ngày càng tăng tại Cảng Cát Lái.
- ❖ Tháng 3/2013 Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng quy mô lớn.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Cung ứng dịch vụ cảng biển; dịch vụ xếp dỡ và bốc xếp hàng hóa container chiếm trên 10% tổng số doanh thu 02 năm gần nhất 2011, 2012.
- Địa bàn kinh doanh: Cảng Cát Lái tại Đường Nguyễn thị Định, Phường Cát lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

– **Mô hình quản trị :**

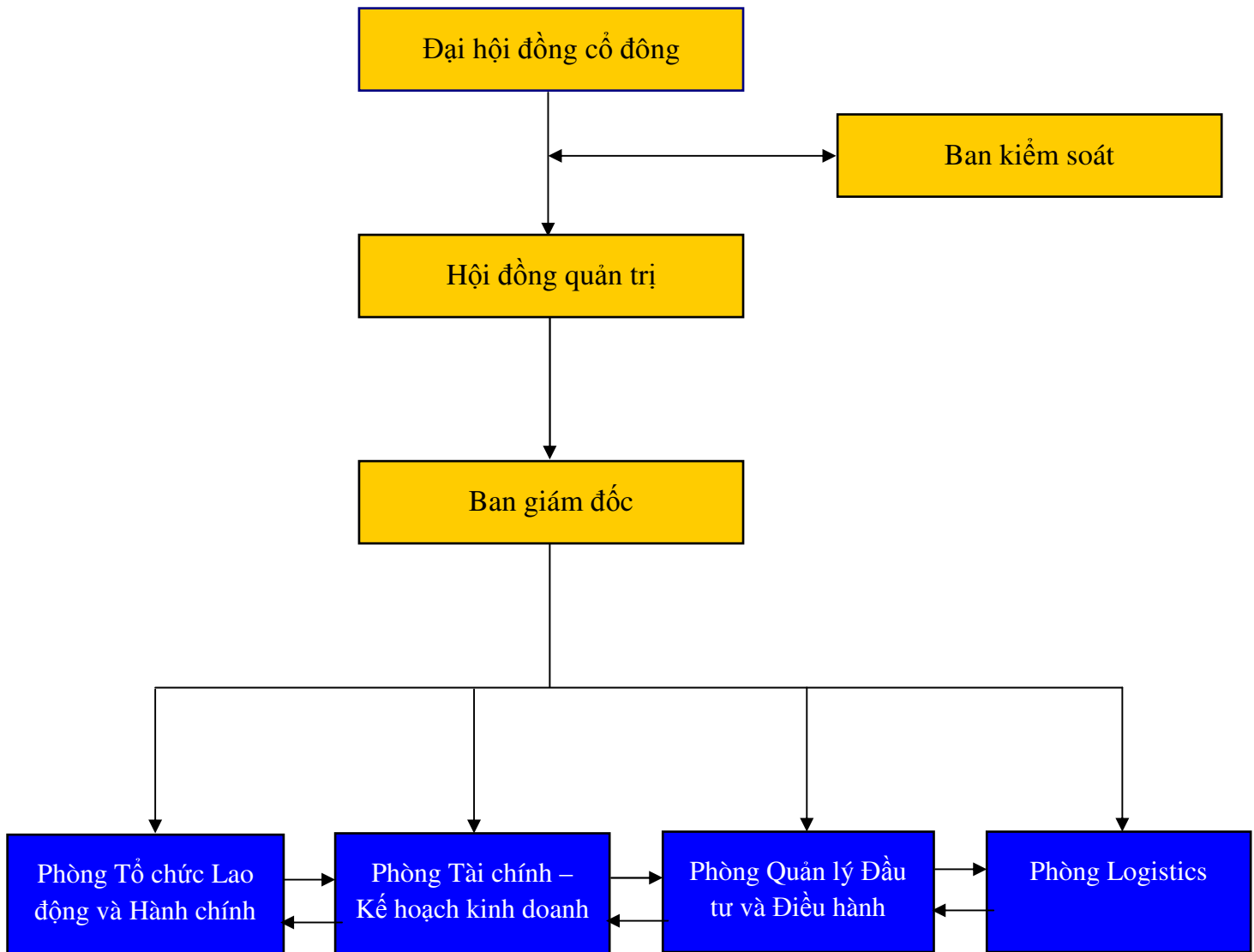
Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là **Đại hội đồng cổ đông**.

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Hội đồng quản trị hiện nay gồm : 05 thành viên.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Ban kiểm soát hiện nay gồm : 03 thành viên.

Ban giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, Nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị và đồng thời tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật. Ban Giám đốc gồm : 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý :



– Các công ty con, công ty liên kết : không có.

5. **Định hướng phát triển**

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, kinh doanh các dịch vụ cung ứng cảng biển, logistics tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Cần nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

Mục tiêu trong năm 2013:

- Doanh thu : 194.325.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 74.605.015.341 đồng.
- Kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị và góp vốn kinh doanh:

Stt	Tên hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư	Kế hoạch thực hiện	Nguồn vốn
1	Bù lún bãi container	25.000.000.000	Quý III, IV/2013	Nguồn vốn vay, vốn tự có và các nguồn vốn khác từ vốn chủ sở hữu.
2	Xe đầu kéo	20.000.000.000	Quý I, IV/2013	
3	Xe ô tô	1.500.000.000	Quý II/2013	
4	02 Bể xử lý nước thải	900.000.000	Quý II/2013	
Tổng		47.400.000.000		

(Tổng số tiền dự kiến đầu tư là: Bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn).

– **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong thời gian tới, tập trung vào các vấn đề sau:

+ Tiếp tục chiến lược đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại; đồng thời tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ CBNV hướng tới trở thành Công ty cung ứng các dịch vụ khai thác cảng biển chuyên nghiệp.

+ Tận dụng tối đa nguồn lực và lợi thế nhằm tăng lợi nhuận, mở rộng hoạt động kinh doanh phát triển các ngành nghề liên quan đến hoạt động của Cảng như : dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải hàng hóa đa phương thức....

+ Phát triển sâu lĩnh vực đầu tư, xây dựng, kinh doanh khai thác cảng biển.

+ Mở rộng hoạt động Logistics khi có điều kiện thích hợp.

– Các mục tiêu đối với môi trường: thực hiện các biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường theo quy định của các cơ quan chức năng.

6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty)

- Rủi ro về kinh tế : Nền kinh tế đang trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu, sản xuất đình đốn hàng tồn kho nhiều từ đó làm cho sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua cảng giảm, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Rủi ro về biến động giá nhiên liệu, các thiết bị vật tư đầu tư hệ thống cảng: giá nhiên liệu, vật tư thiết bị cho hệ thống cảng biển tăng biến động khó lường ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành dịch vụ đầu ra.
- Rủi ro trong cạnh tranh: Cạnh tranh không chỉ về cung mà còn về chất lượng dịch vụ cảng biển. Bởi vì, trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển (logistics), nhà đầu tư nước ngoài có tiềm năng lớn và kinh nghiệm hơn các doanh nghiệp trong nước. Đây chính là thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với ngành giao nhận vận chuyển Việt nam thời kỳ hội nhập.
- Rủi ro về tỷ giá : Doanh thu cung cấp dịch vụ về cảng biển là doanh thu chủ yếu của Công ty và bị ảnh hưởng do biến động về tỷ giá vì doanh thu về dịch vụ này được tính bằng ngoại tệ (đối với các khách hàng nước ngoài), đặc biệt là chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển thường nhập các thiết bị của nước ngoài nên sự biến động về tỷ giá ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu, thanh toán tiền mua thiết bị với nhà cung cấp và thời gian hoàn vốn đầu tư của Công ty.
- Rủi ro về pháp luật : chính sách của nhà nước trong lĩnh vực vận tải, xuất nhập khẩu thay đổi cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2012

BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Kết quả thực hiện năm 2012	So sánh kết quả 2012 với thực hiện 2011		So sánh kết quả 2012 với kế hoạch 2012	
					Tăng giảm về giá trị	Tăng giảm %	Tăng giảm về giá trị	Tăng giảm %
1	Tổng doanh thu	153.900	160.023	168.565	14.665	9.5%	8.542	5.3%
2	Lợi nhuận trước thuế	54.593	53.941	71.322	16.729	30.6%	17.381	32.2%
3	Thuế TNDN (*)	3.888	5.394	5.100	1.212	31.2%	-294	-5.4%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	50.705	48.547	66.222	15.517	30.6%	17.675	36.4%
5	Tỷ suất sinh lợi sau thuế (**)	21,13%	20,23%	27,59%		6.47%		7.37%

Kết quả năm 2012 Công ty đạt kết quả rất cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2012 đã thông qua với lợi nhuận đạt 132% kế hoạch trong khi tổng doanh thu chỉ tăng 5,3% (thậm chí doanh thu từ hợp đồng cung ứng cảng biển cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn còn giảm 6,6 tỷ đồng). Kết quả đó đã phản ánh nỗ lực rất lớn của công ty trong tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp để giảm thiểu chi phí đến mức thấp nhất nhằm tăng hiệu quả kinh tế, trong đó phải kể đến các khoản chi phí giảm đáng kể như: chi phí tài chính giảm 7,3 tỷ; chi phí bù lún giảm 2,2 tỷ đồng so với kế hoạch. Các chi phí

khác cũng cơ bản giảm hơn so với kế hoạch, chi phí thuế TNDN giảm 294 triệu đồng, trong năm duy chỉ có chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,7 tỷ đồng (chủ yếu là do năm 2012 Công ty phải sắp xếp lại cơ cấu lao động phù hợp với tình hình đầu tư và chuẩn bị lực lượng nhân sự cho kế hoạch phát triển mới dịch vụ logistics, chi phí Bảo hiểm cho CBNV cũng tăng do tăng mức lương tối thiểu vùng và các khoản khen thưởng CBNV cũng được đưa vào chi phí theo quy định của Nhà nước); đời sống người lao động được cải thiện, lương bình quân tăng từ 6,8 triệu đồng của năm 2011 lên 8,4 triệu đồng trong năm 2012.

(*) Năm 2012 theo kế hoạch Công ty phải chịu thuế TNDN 10%, tuy nhiên ngày 21/08/2012 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 140/2012/TT-BTC về một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, nên trong năm 2012 Công ty tiếp tục được miễn giảm 30% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, cũng tiết kiệm được cho Công ty 294 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

– **Danh sách Ban điều hành:** (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.

2.1 Giám đốc Công ty:

Ông NGUYỄN VĂN QUÂN: Giám đốc Công ty.

Họ và tên : NGUYỄN VĂN QUÂN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 24/10/1963

Nơi sinh : Thái Bình

Số chứng minh nhân dân : 150162898 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 09/02/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 180/50 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

- Từ 1982 – 1985: Bộ đội tại E52 F337 Lạng Sơn.
- Từ 1986 – 1992: Sinh viên trường Đại học Hàng Hải Hải Phòng
- Từ 1993 – 9/2007: Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 9/2007 – nay : Công tác tại Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Chức vụ công tác hiện nay (bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác):

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 8.725 CP, chiếm 0,036% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 8.725 CP, chiếm 0,036% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

- Vợ Luyện Thị Du : 56.029 CP, chiếm 0,23% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2. Phó Giám đốc Công ty.

Ông NGÔ PHẠM VIẾT TUẤN: Phó Giám Đốc Công ty kiêm kế toán trưởng Công ty.

Họ và tên : **NGÔ PHẠM VIẾT TUẤN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/07/1975

Nơi sinh : TPHCM

Số chứng minh nhân dân : 023247218 do Công an TPHCM cấp ngày 23/01/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nam Định

Địa chỉ thường trú : 480/23B Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TPHCM

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 6/2002 – 9/2007: Công tác tại Công ty Đầu tư và Xây dựng TNXP,
- Từ 9/2007 – nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Chức vụ công tác hiện nay (bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác):

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc, kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

- Vợ Đàm Thị Mỹ Nhung : 26.200 CP, chiếm 0,11 % vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: trong năm 2012 Ban điều hành không có thay đổi.

– Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 47 người. Tiền lương bình quân thực hiện năm 2012 là 8,4 triệu đồng.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBNV, đảm bảo thu nhập CBNV luôn được cải thiện và nâng cao. Chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần thường xuyên tổ chức các hoạt động như thể dục thể thao, họp mặt nhân dịp các ngày lễ tết lớn, ... đồng thời luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động như các chế độ tham quan du lịch, bảo hiểm, tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, thăm hỏi động viên, ma chay, hiếu hỉ ... làm cho người lao động luôn yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty. Chính sách đối với người lao động nhất quán, không thay đổi trong năm.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án năm 2012.

Stt	Tên hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư theo kế hoạch	Giá trị thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Cầu Kocks 19	94.000.602.674	92.467.691.833	Quý I/2012
2	Cầu Kalmar 6+1	58.368.000.000	52.436.716.419	Quý IV/2012
3	Bù lún bãi container	10.000.000.000	7.828.100.000	Đã kết thúc 2012
Tổng		162.368.602.674	152.732.508.252	

(Tổng số tiền hoàn thiện các hạng mục đầu tư là: Một trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	532,733,017,666	484,659,203,982	-9%
Doanh thu thuần	153,900,975,663	168,565,833,073	10%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	54,593,670,880	76,477,205,976	40%
Lợi nhuận khác	0	2,917,683,910	
Lợi nhuận trước thuế	54,593,670,880	71,322,513,698	31%
Lợi nhuận sau thuế	50,705,615,946	66,222,192,988	31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18%	22 %	4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	152,8%	40,7%	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	152,3%	40,7%	

<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39%	33%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	64%	48%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	285,9	483,9	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	29%	35%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	33%	39%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16%	20%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10%	14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	35%	45%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 24.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : không có.
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông		
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Số cổ đông
1. Cổ đông nhà nước	117.647.000.000	49%	3
2. Cổ đông nội bộ			
Hội đồng quản trị (*)	378.340.000	0,16%	2
Ban giám đốc	87.250.000	0,036%	1
Ban kiểm soát	666.670.000	0,28%	2
Kế toán trưởng			
Người có liên quan đến cổ đông nội bộ	4.117.130.000	1,72%	11
3. Cổ đông trong Công ty			
- Cán bộ công nhân viên	11.872.880.000	4,95%	41
4. Cổ đông ngoài Công ty			

- Cá nhân	76.588.980.000	31,91%	719
- Tổ chức (**)	146.370.000.000	60,99%	7
5. Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài :			
- Trong nước			
- Nước ngoài			
6. Cổ phiếu quỹ			
Tổng	240.000.000.000	100%	782

(*) Trong đó bao gồm giá trị cổ phần của thành viên Ban Giám đốc kiêm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị.

(**) Trong đó bao gồm giá trị cổ phần của 3 cổ đông là tổ chức nhà nước.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2012 Công ty không phát hành tăng vốn cổ phần;
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: hiện tại công ty không có cổ phiếu quỹ .
- e) Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012:

Năm 2012 Công ty đạt kết quả rất cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã thông qua với lợi nhuận đạt 132% kế hoạch trong khi tổng doanh thu chỉ tăng 5,3% (thậm chí doanh thu từ hợp đồng cung ứng cảng biển cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn còn giảm 6,6 tỷ đồng). Kết quả đó đã phản ánh nỗ lực rất lớn của công ty trong tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp để giảm thiểu chi phí đến mức thấp nhất nhằm tăng hiệu quả kinh tế, trong đó phải kể đến các khoản chi phí giảm đáng kể như: chi phí tài chính giảm 7,3 tỷ; chi phí bù lún giảm 2,2 tỷ đồng so với kế hoạch. Các chi phí khác cũng cơ bản giảm hơn so với kế hoạch, chi phí thuế TNDN giảm 294 triệu đồng, trong năm duy chỉ có chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,7 tỷ đồng (chủ yếu là do năm 2012 Công ty phải sắp xếp lại cơ cấu lao động phù hợp với tình hình đầu tư và chuẩn bị lực lượng nhân sự cho kế hoạch phát triển mới dịch vụ logistics, chi phí Bảo hiểm cho CBNV cũng tăng do tăng mức lương tối thiểu vùng và các khoản khen thưởng CBNV cũng được đưa vào chi phí theo quy định của Nhà nước); đời sống người lao động được cải thiện, lương bình quân tăng từ 6,8 triệu đồng của năm 2011 lên 8,4 triệu đồng trong năm 2012.

Với tất cả nỗ lực và phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, nhân viên, cùng sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt, chính sách động viên nhân viên kịp thời của các cấp quản lý, điều hành tạo thành một tập thể vững chắc, đoàn kết trong tổ chức, phân công lao động hợp lý, tất cả vì mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh, các khoản mục đầu tư quan trọng (cầu Kocks, cầu Kalmar) theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị. Công tác quản lý tài sản, công tác kỹ thuật đối với các phương tiện thiết bị (cầu khung Mijack, cầu Kalmar, cầu K.E, cầu Kocks và cầu Liebherr) và các hạ tầng cơ sở (bãi container, cầu tàu, bến sà lan) phục vụ

cho hoạt động xếp dỡ container luôn được chú trọng, bám sát, nâng cao, bảo đảm hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục, ổn định.

Kết quả thực hiện năm 2012 Công ty hoàn thành vượt mức nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, trong đó đặc biệt tổng lợi nhuận sau thuế vượt xa so với kế hoạch của năm 2012 17,6 tỷ đồng (36,4%). Bên cạnh đó đời sống người lao động được cải thiện, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên tạo sự gắn kết, thi đua trong CBNV, không khí vui vẻ đoàn kết niềm tin tưởng vào sự vững mạnh đi lên của Công ty, cùng nhau luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả này đã tạo nội lực cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai, từ đó nâng cao chất lượng và tăng thu nhập người lao động.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Trong năm 2012 Công ty đã hoàn thiện đưa vào sử dụng mới 01 cầu Kocks với giá trị : 92.467.691.833 đ; 02 cầu Kalmar 6 + 1 có giá trị : 52.436.716.419đ

Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

(*) **Phương tiện vận tải (xe ô tô Ford) của đơn vị là tài sản mua cũ nên khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.**

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ Ngắn hạn :

b1. Vay và nợ ngắn hạn : 39.177.455.078 đồng là khoản nợ phải trả trong năm 2013.

b2. Phải trả người bán : 8.962.582.604 đồng trong đó gồm:

- Chi phí bù lún bãi chứa container: 6.966.110.975đ
- Chi phí phát sinh do thuê vận chuyển cao su Lào: 1.515.600.000đ

b3. Thuế và các khoản phải nộp :

- Thuế TNDN : 303.702.339đ
- Thuế TNCN : 152.487.806đ
- Thuế nhà đất : 205.699.000đ

b4. Phải trả cho người lao động : 1.032.920.128đ là khoản chi phí lương tháng 13 và 14 năm 2012.

b5. Chi phí phải trả : 148.255.800đ là tiền công bốc xếp , móc cáp hàng sà lan tháng 12/2012.

b6. Các khoản phải trả, phải nộp khác : 5.002.395.130 , bao gồm các khoản phải trả sau:

- Trả lại vốn góp cho đối tác: 4.700.000.000đ
- Các khoản chi trả cổ tức năm 2009,2010, 2011: 250.825.856đ
- Nhân viên công ty : 26.449.908đ
- Cục thuế TP.HCM: 9.512.538.là khoản thuế TNCN tháng 12/2012 phải nộp.

b7. Quỹ khen thưởng phúc lợi : 2.947.455.287 là khoản được trích từ quỹ lợi nhuận chưa phân phối của các năm cộng dồn mà chưa sử dụng.

3. ***Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý***

Những cải tiến và các biện pháp kiểm soát.

Trong năm 2012, Ban lãnh đạo Công ty đã có những chỉ đạo thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động của Công ty, thể hiện qua các mặt cụ thể như sau:

- Tập trung chỉ đạo từng bước nâng cao năng lực điều hành sản xuất. Chỉ đạo sát sao tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng đầu tư.

- Trong công tác quản lý, đánh giá khen thưởng xử phạt kịp thời, sử dụng CBNV đúng người, đúng việc; không ngừng đổi mới lề lối và phương pháp làm việc; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, nêu cao ý thức tăng cường trách nhiệm cá nhân, làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đoàn kết, nhất trí, gắn bó để tạo nên sức mạnh tổng hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường sự quản lý của Ban điều hành với các hoạt động của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, chuẩn bị tiền đề để mở rộng các dịch vụ khác sau này nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Lập kế hoạch sử dụng vốn và tìm kiếm các nguồn vốn phù hợp đảm bảo đủ vốn cho công tác sản xuất và đầu tư.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hoàn thiện nâng cao năng suất xếp dỡ.

- Trẻ hoá nguồn lao động, đảm bảo về chất lượng, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ nhằm tạo ra nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty; đặc biệt chú trọng đến đội ngũ lao động chất lượng cao.

- Luôn quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần CBNV Công ty. Thu nhập tăng ổn định phù hợp với mức độ tăng trưởng của doanh thu, đảm bảo việc làm cho người lao động, tạo không khí phấn khởi, gắn bó với Công ty, nâng cao trách nhiệm trong công việc của CBNV.

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong HĐQT, BGD, BKS cùng với quyết tâm cao của toàn thể CBNV Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

a. Đặc điểm tình hình thế giới và trong nước:

- Năm 2013, dự báo kinh tế thế giới ngày càng bộc lộ nhiều hơn những khó khăn thách thức, nhiều rủi ro hiện hữu đang đe dọa triển vọng nền kinh tế thế giới như tình trạng bất ổn tài chính, thâm hụt ngân sách, khủng hoảng nợ công ở một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là ở các nước khu vực Châu Âu và Mỹ; tình hình căng thẳng chính trị ở các nước khu vực Trung Đông, Bắc Phi, bán đảo Triều Tiên và đặc biệt là ở Biển Đông; đã đẩy nhiều nước đến nguy cơ bất ổn về kinh tế và chính trị. Bên cạnh đó tình hình trong nước cũng rất khó khăn sau hàng loạt các vụ việc nổi cộm, hiện nay đang xuất hiện nhiều vấn đề rất phức tạp, nguồn vốn cho đầu tư thì ngày càng hạn hẹp vốn vay khó tiếp cận; nợ xấu, giá cả các mặt hàng thiết yếu (xăng, dầu,...) khó kiểm soát có thể nói chưa có bao giờ nền kinh tế và các vấn đề xã hội khó khăn như hiện nay, lạm phát, thất nghiệp tăng cao dẫn đến nguy cơ bất ổn an sinh xã hội.

- Thị trường vận tải hàng hóa, dịch vụ cung ứng cảng biển và dịch vụ logistic ngày càng có nhiều công ty đầu tư và tham gia nên tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt, hàng hóa xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước giảm (số lượng tăng chủ yếu các doanh nghiệp FDI nên không ổn định).

b. Định hướng trong năm 2013 và trong tương lai:

b.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013 tập trung phát triển theo định hướng như sau:

- Tiếp tục thực hiện dịch vụ cung ứng cảng biển và cung cấp thiết bị xếp dỡ cầu Kocks 19 tại cầu tàu B2 cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn theo hợp đồng giữ nguyên giá năm 2012.
- Tăng cường hoạt động khai thác tại bến sà lan B7.
- Đẩy mạnh chất lượng và nâng cao hiệu quả của các thiết bị xếp dỡ đã đầu tư.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải, mở rộng dịch vụ logistics - một lĩnh vực, một sân chơi rộng lớn, hiện có nhiều Công ty tham gia nhưng đang nhỏ lẻ và manh mún thiếu sức cạnh tranh. Tuy nhiên đây là một lĩnh vực đang còn rất nhiều cơ hội mở rộng ra nước ngoài (dịch vụ logistics không có biên giới), hoạt động này của công ty nằm trong chuỗi dịch vụ logistic (SNPL) của Tổng công ty TCSG.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ – thương mại khi có cơ hội và điều kiện thích hợp.

b.2. Hoạt động đầu tư:

- Đầu tư xe đầu kéo mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải quốc tế. Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị hiện nay Công ty đã ký hợp đồng mua 05 xe đầu kéo và đang tiến hành hoàn thiện các thủ tục đưa xe vào khai thác (dự kiến cuối tháng 04/2013).
- Thực hiện bù lún bãi container đợt 2 và 3 với diện tích 28.285 m², tổng kinh phí dự kiến 25 tỷ đồng, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khai thác kho bãi và đồng thời đảm bảo phù hợp theo yêu cầu khai thác của thiết bị.
- Đầu tư 02 bể xử lý nước thải tách dầu tại vị trí cuối nguồn 02 đoạn mương thoát nước ra sông sau cầu cảng B7 với tổng chi phí dự kiến 900 triệu đồng, nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Cục Cảnh sát Môi trường.
- Tăng cường đẩy mạnh đầu tư nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho việc phát triển nhanh hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ logistics cả về nhân sự, phương tiện, cơ sở vật chất lẫn quy mô tổ chức.
- Đầu tư phương tiện vận tải hàng, và cung cấp vật tư cho ngành cao su, vận tải hàng hóa khu vực Nam Lào và Campuchia.
- Đầu tư vào lĩnh vực du lịch, vận tải hành khách khi có điều kiện thích hợp.

b.3. Tổ chức nhân sự:

- Phối hợp với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn huấn luyện công tác an toàn lao động, công tác phòng chống cháy nổ cho toàn bộ lao động trong Công ty, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong hoạt động tổ chức của công ty.
- Tiếp tục đào tạo và tái đào tạo đối với đội ngũ nhân sự trực tiếp sản xuất nhằm đảm bảo trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới để nâng cao chất lượng lao động, chất lượng dịch vụ.

- KIỆN TOÀN ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TY BỐ TRÍ SẮP XẾP LẠI CHO PHÙ HỢP BIÊN CHẾ TỔ CHỨC NHIỆM VỤ, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỘNG VIÊN, KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CÁN BỘ, NHÂN VIÊN ĐẶC BIỆT LÀ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ, CỬ NHÂN KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN (TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ CÁC KỸ NĂNG QUẢN LÝ), ĐẶC BIỆT TRONG LĨNH VỰC CẢNG BIỂN, DỊCH VỤ CHUỖI CUNG ỨNG LOGISTIC NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG THỜI GIAN SẮP TỚI.

- Thành lập phòng Logistics, chi nhánh hoạt động tại Miền trung – Tây nguyên – Nam Lào và kế hoạch phát triển thành lập Công ty con sau này.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách lương thưởng và các chế độ đãi ngộ thích đáng nhằm động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và chất lượng lao động, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi bổ sung các văn bản, quy định, quy chế quản lý theo các quy định mới phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.

b.4 Biện pháp thực hiện:

- Luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình nền kinh tế của thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, dịch vụ khai thác cảng biển, lãi suất, tỷ giá) để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và đề ra các chỉ tiêu kinh tế kịp thời, phù hợp với tình hình.

- Chế độ khuyến khích và phát triển đội ngũ lao động có trình độ cao, có đạo đức và tâm huyết với sự phát triển của Công ty.

c. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

c.1 Bảng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2012	Kế hoạch 2013	So sánh	
				Số tiền	%
1	Doanh thu	168,565,833,073	194,325,000,000	25,759,166,927	15.28%
2	Chi phí	95,286,827,019	120,019,984,659	24,733,157,640	25.96%
2.1	Giá vốn hàng bán	71,361,857,144	94,395,957,000	23,034,099,856	32.28%
2.2	Chi phí tài chính	16,317,615,868	15,768,010,259	-549,605,609	-3.37%
2.3	Chi phí quản lý DN	7,607,354,007	9,856,017,400	2,248,663,393	29.56%
3.	Lợi nhuận thuần	71,322,513,698	74,605,015,341	3,282,501,643	4.60%
4	Thuế TNDN (*)	5,100,320,710	7,460,501,534	2,360,180,824	46.28%
5	Lợi nhuận sau thuế	66,222,192,988	67,144,513,807	922,320,819	1.39%
6	Tỷ suất sinh lời	27.59%	27.98%		1.41%

Kế hoạch Doanh thu năm 2013 tăng 15,28% trong khi chi phí tăng 26%, chủ yếu là do khoản doanh thu từ dịch vụ khai thác cầu Kocks, cầu Kalmar 6+1 tăng 16,7 tỷ đồng, doanh thu hoạt động vận tải tăng 10,8 tỷ đồng; giảm doanh thu cầu Mijack 2,3 tỷ đồng; trong khi đó các khoản chi phí trong giá vốn hàng bán lại tăng đáng kể như: chi phí khai thác cầu Kocks, cầu Kalmar và xe đầu kéo tăng khoản 11,8 tỷ đồng; chi phí khấu hao tăng 5,3 tỷ đồng (chủ yếu là do khoản khấu hao đầu tư xe đầu kéo và cầu Kalmar); chi phí bù lún tăng 4,1 tỷ đồng; Các khoản chi phí khác do mở rộng phát triển dịch vụ sản xuất kinh doanh cũng gia tăng trong đó có chi phí lương trong giá vốn hàng bán, chi phí đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất ban đầu và các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp tăng khoản 5,7 tỷ đồng (Công ty thành lập phòng logistics đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển dịch vụ kinh doanh vận tải quốc tế, bên cạnh đó do ảnh hưởng việc sắp xếp lại cơ cấu lao động phù hợp với tình hình phát triển của Công ty đầu tư thiết bị mới của năm 2012 và các khoản khen thưởng CBNV tiếp tục được đưa vào chi phí theo quy định của Nhà nước).

(*) Năm 2012 Công ty được miễn giảm 30% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (căn cứ Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính về một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân trong năm 2012). Kế hoạch năm 2013 Công ty phải chịu thuế TNDN 10%.

Trong năm 2013, ngay từ đầu năm tình hình kinh tế thế giới và trong nước chưa có nhiều dấu hiệu tích cực so với năm 2012, theo dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp như thị trường tiền tệ, nguồn vốn đầu tư, giá cả, bất ổn chính trị và thiên tai tiếp tục có những diễn biến phức tạp khó lường. Trước tình hình đó Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục đề ra các chủ trương giải pháp kinh doanh đúng, chính xác, kịp thời, cùng với tập thể cán bộ, nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

5. ***Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) : Không có ý kiến loại trừ.***

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn; thị trường tiền tệ diễn biến phức tạp; tăng trưởng tín dụng thấp; nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, hàng hóa lưu thông trì trệ, hàng loạt doanh nghiệp phải rơi vào tình trạng hết sức khó khăn giải thể, ngừng hoặc thu hẹp hoạt động; trong khi đó kết quả kinh doanh của công ty rất tốt mặc dù giá dịch vụ cảng biển giảm hơn 6% so với 2011 song kết quả kinh doanh năm 2012 đã vượt hơn 32% so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2012 Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp quản trị Công ty tốt. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (Đoàn kiểm tra của Cục thuế TPHCM; Kiểm toán độc lập) đơn vị được đánh giá hoạt động hiệu quả, các số liệu tài chính lành mạnh.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Không ngừng nâng cao năng suất, hiệu quả SXKD nhằm tối đa hoá lợi ích doanh nghiệp và lợi nhuận cho cổ đông.
- Chú trọng đầu tư và phát triển các ngành nghề cốt lõi và được cho là thế mạnh của Công ty như: cung ứng dịch vụ cảng biển, xếp dỡ container; tiếp tục chiến lược đầu tư đổi mới trang thiết bị phù hợp với quy hoạch lâu dài của cảng Cát Lái.
- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải, mở rộng dịch vụ logistics.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp.
- Tiếp tục chuẩn hoá công tác quản trị doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở thực hiện theo các quy định của pháp luật.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm phát huy tốt vai trò lãnh đạo, quản lý đối với Ban điều hành và thường xuyên theo dõi nắm bắt các hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo và tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến, điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý theo hướng hiện đại phù hợp với tình hình SXKD của Công ty tại từng thời điểm nhằm tối ưu hoá nguồn lực, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh của Công ty.
- Tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững công ty.
- Luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình nền kinh tế của thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, dịch vụ khai thác cảng biển, lãi suất, tỷ giá) để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và đề ra các chỉ tiêu kinh tế kịp thời, phù hợp với tình hình.

V. Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

Thành viên Hội đồng nhiệm kỳ I (2007-2013) gồm 05 thành viên, không có thành viên độc lập,

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú thành viên không điều hành
1	Ông Lê Tấn Hùng	Chủ tịch		✓
2	Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Phó Chủ tịch	0,12%	✓

3	Ông Nguyễn Văn Quân	Ủy viên	0,036%	
4	Ông Ngô Phạm Viết Tuấn	Ủy viên		
5	Ông Lăng Nguyễn Thanh Vũ	Ủy viên		✓

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

* *Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.*

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã duy trì và tổ chức các cuộc họp theo quy định, tổ chức thường kỳ và bất thường theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý. Quan tâm kiện toàn công tác tổ chức nhân viên, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao cho các vị trí quan trọng, chủ chốt của công ty.

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn thách thức đối với các doanh nghiệp, lạm phát vẫn ở mức khá cao, tăng trưởng tín dụng thấp, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp. Tuy nhiên với sự chỉ đạo và định hướng kịp thời của HĐQT, Công ty đã gạt hái được nhiều kết quả tốt hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đã đề ra. Với những chủ trương đúng đắn phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty đã được Ban Giám đốc triển khai kịp thời đã làm cho quy mô hoạt động của công ty ngày càng được mở rộng và phát triển.

Các nghị quyết/Quyết định/Tờ trình thông qua của Hội đồng quản trị:

Stt	Số NQ/QĐ/TT	Ngày	Nội dung
1	09/NQ-HĐQT/CLP	23/04/2012	Phiên họp Hội đồng quản trị 11 – nhiệm kỳ I.
2	01/QĐ-HĐQT/CLP	24/04/2012	Ban hành quy chế quản trị.
3	02/QĐ-HĐQT/CLP	24/04/2012	Ban hành quy trình công bố thông tin.
4	01/KHTL – CLP	11/06/2012	Thông qua kế hoạch thanh lý tài sản 04 cầu khung Mijack 850P (RTG 3+1).
5	03/KHKT-CLP	30/7/2012	Thông qua kế hoạch triển khai thực hiện công trình bù lún bãi container
6	10/NQ-HĐQT/CLP	15/8/2012	Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu nộp Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM.
7	04/KHTL-CLP	30/10/2012	Thông qua kế hoạch thanh lý tài sản: 02 cầu khung

			Mijack 850P (RTG 3+1)
8	11/NQ-HĐQT/CLL	08/11/2012	Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2012 và các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị điều hành.
9	12/NQ-HĐQT/CLL	08/11/2012	Thông qua kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức năm 2012
10	13/NQ-HĐQT/CLL	08/11/2012	Thông qua mã chứng khoán mới bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định.
11	09/KH-CLL	31/12/2012	Kế hoạch tổ chức Ban điều hành khảo sát, nghiên cứu thị trường nước ngoài

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng ban	0,18 %
2	Ông Nguyễn Văn Hoạch	Thành viên	0,098 %
3	Bà Lê Uyên Ngọc	Thành viên	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):

Hoạt động của BKS trong năm 2012 được tiến hành một cách chủ động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2012 đã được ĐHCĐ thường niên 2012 thông qua.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2012.

- Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2012.

- Xem xét tính hợp lý chế độ kế toán công ty đang áp dụng.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế của HĐQT và BKS.

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (nghĩa vụ thuế, chính sách bảo hiểm và các nghĩa vụ tài chính khác).

- Giám sát và xem xét tính minh bạch trong quá trình thực hiện công bố thông tin theo quy định, để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ Ban kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Lương	Thù lao và lợi ích khác năm 2012 (đồng) (*)	Ghi chú
A	Hội đồng quản trị/ BGD			
1	Ông Lê Tấn Hùng		254.000.000	
2	Ông Nguyễn Đăng Nghiêm		227.000.000	
3	Ông Nguyễn Văn Quân	330.000.000	90.000.000	Thành viên HĐQT kiêm GĐ
4	Ông Ngô Phạm Việt Tuấn	240.000.000	78.000.000	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ, KTT
5	Ông Lăng Nguyễn Thanh Vũ		61.000.000	
B	Ban kiểm soát			
1	Bà Vũ Thị Lan Anh		58.000.000	
2	Ông Nguyễn Văn Hoạch		43.500.000	
3	Bà Lê Uyển Ngọc		38.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch trong năm 2012.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2012, Công ty có ký hợp đồng về cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ container và cho thuê thiết bị khai thác xếp dỡ tại cầu cảng với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (cổ đông lớn).

VI. Báo cáo tài chính năm 2012.

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 84/2013/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang đến trang kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Kiểm toán viên

(ĐÃ KÝ)

Trần Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1708/KTV

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

2. *Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012*: Đính kèm bản Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), trong đó gồm :

- ✓ Bảng cân đối kế toán
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN QUÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	13 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã 3 lần được cấp giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh về bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3: 240.000.000.000 VND (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 091 392 6466
Fax : 083 7 423 500
Website : www.catlaiport.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 5 1 6 8 9 3 8

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hoá;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển;
- Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế, sửa chữa đóng mới container, moóc kéo chuyên dùng (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê tàu, container và các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thuỷ nội địa, xe siêu trường siêu trọng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tấn Hùng	Chủ tịch	11 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Phó Chủ tịch	11 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Quân	Ủy viên	11 tháng 8 năm 2007
Ông Ngô Phạm Việt Tuấn	Ủy viên	11 tháng 6 năm 2010
Ông Lăng Nguyễn Thanh Vũ	Ủy viên	10 tháng 6 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng ban	11 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Hoạch	Thành viên	11 tháng 6 năm 2010
Bà Lê Uyển Ngọc	Thành viên	26 tháng 6 năm 2009

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quân	Giám đốc	11 tháng 08 năm 2007
Ông Ngô Phạm Việt Tuấn	Phó Giám đốc	21 tháng 09 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Số: 84/2013/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 06 đến trang 40. kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

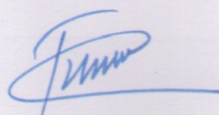


Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên



Trần Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1708/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23,605,749,648	107,833,781,374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,003,559,745	83,131,776,440
1. Tiền	111		4,003,559,745	4,131,776,440
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,000,000,000	79,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,077,387,090	9,164,672,005
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	13,785,542,937	2,628,388,149
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	229,344,153	6,221,582,078
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	62,500,000	314,701,778
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	401,784,600
1. Hàng tồn kho	141	V.5	-	401,784,600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,524,802,813	15,135,548,329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	177,872,557	151,543,788
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,307,199,761	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	-	1,035,509,603
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	39,730,495	13,948,494,938

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		461,053,454,334	424,899,236,292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		453,224,120,783	409,996,479,604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	369,040,434,820	262,478,854,624
<i>Nguyên giá</i>	222		467,874,926,338	339,851,834,346
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98,834,491,518)	(77,372,979,722)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	71,974,100,699	73,563,415,455
<i>Nguyên giá</i>	228		79,246,404,441	79,246,404,441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,272,303,742)	(5,682,988,986)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12,209,585,264	73,954,209,525
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,258,600,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	2,258,600,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,570,733,551	14,902,756,688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	5,570,733,551	14,902,756,688
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484,659,203,982	532,733,017,666

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		157,843,794,961	208,301,119,246
I. Nợ ngắn hạn	310		57,932,953,172	70,553,500,896
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	39,177,455,078	41,073,365,621
2. Phải trả người bán	312	V.15	8,962,582,604	18,316,466,024
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	661,889,145	3,375,216,792
5. Phải trả người lao động	315		1,032,920,128	981,217,534
6. Chi phí phải trả	316	V.17	148,255,800	1,201,768,800
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	5,002,395,130	5,064,592,767
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	2,947,455,287	540,873,358
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99,910,841,789	137,747,618,350
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	99,910,841,789	137,739,025,350
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	8,593,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	326,815,409,021	324,431,898,420
I. Vốn chủ sở hữu	410		326,815,409,021	324,431,898,420
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,723,448,000	15,723,448,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(2,041,935,723)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15,963,400,072	10,117,009,626
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9,102,522,649	4,270,244,522
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46,026,038,300	56,363,131,995
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484,659,203,982	532,733,017,666

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
		<u> </u>	<u> </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		31,124.76	70,208.00
Euro (EUR)		4,348.18	227.54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyên

Ngô Phạm Viêt Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	168,565,833,073	153,900,975,663
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168,565,833,073	153,900,975,663
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71,361,857,144	57,434,725,530
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97,203,975,929	96,466,250,133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,198,199,922	2,986,199,332
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16,317,615,868	39,265,515,008
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,966,356,229	18,108,961,864
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7,607,354,007	5,593,263,577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76,477,205,976	54,593,670,880
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2,917,683,910	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	8,072,376,188	-
13. Lợi nhuận khác	40		(5,154,692,278)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71,322,513,698	54,593,670,880
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	5,100,320,710	3,888,054,934
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>66,222,192,988</u>	<u>50,705,615,946</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>2,759</u>	<u>3,102</u>

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyền

Ngô Phạm Viết Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71,322,513,698	54,593,670,880
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	36,260,175,871	29,487,373,219
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2,211,729,116	15,606,699,193
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5,151,566,342	-
- Chi phí lãi vay	06	12,966,356,229	18,108,961,864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	127,912,341,256	117,796,705,156
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3,759,436,553)	(754,338,894)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	401,784,600	(401,784,600)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(777,023,386)	(6,752,562,711)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9,305,694,368	(4,213,172,797)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12,966,356,229)	(18,108,961,864)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,761,108,768)	(1,685,795,250)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	9,011,324,734
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(485,655,936)	(24,151,504,935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115,870,239,352	70,739,908,839
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(87,548,474,302)	(54,519,590,065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,447,965,621	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,258,600,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88,359,108,681)	(54,519,590,065)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	105,749,978,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39,692,867,925)	(44,658,624,950)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(63,083,182,981)	(29,785,287,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102,776,050,906)	31,306,066,050
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(75,264,920,235)	47,526,384,824
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 83,131,776,440	35,735,317,318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	136,703,540	(129,925,702)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 8,003,559,745	83,131,776,440

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyền

Ngô Phạm Viết Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 47 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 45 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

(*) Phương tiện vận tải của đơn vị là tài sản mua cũ nên khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí nạo vét cầu tàu

Chi phí nạo vét cầu tàu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 6 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm). Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2012 là năm tài chính tài chính thứ 4 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và là năm thứ hai Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.810 VND/USD
27.362 VND/EUR

31/12/2011 : 20.828 VND/USD
27.044 VND/EUR

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	293.793.192	19.515.567
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.709.766.553	4.112.260.873
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	4.000.000.000	79.000.000.000
Cộng	<u>8.003.559.745</u>	<u>83.131.776.440</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.301.931.410	1.110.441.293
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	34.894.338	665.973.000
Công ty Cổ phần Cao Su Việt - Lào	1.469.186.000	851.973.856
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	109.305.900	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.461.125.289	-
Các đối tượng khác	1.409.100.000	-
Cộng	<u>13.785.542.937</u>	<u>2.628.388.149</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viện Cơ học và Tin học ứng dụng	62.370.000	62.370.000
Công ty Cổ phần Sản xuất cấu kiện bê tông Phan Vũ - Đồng Nai	-	504.900.000
UNICO VINA	-	5.538.693.120
Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải Thành phố Hồ Chí Minh	89.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thiết kế thời trang Hoàng Vy	34.804.000	-
Các đối tượng khác	42.670.153	115.618.958
Cộng	<u>229.344.153</u>	<u>6.221.582.078</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000	309.652.778
Bảo hiểm nộp thừa	-	5.049.000
Phải thu Ông Nguyễn Văn Quân về tiền lương	49.500.000	-
Cộng	<u>62.500.000</u>	<u>314.701.778</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	27.199.300
Công cụ, dụng cụ	-	374.585.300
Cộng	<u>-</u>	<u>401.784.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	72.711.667
Chi phí công cụ dụng cụ	15.538.193	-
Chi phí bảo hiểm	162.334.364	78.832.121
Cộng	<u>177.872.557</u>	<u>151.543.788</u>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	1.035.509.603
Cộng	<u>-</u>	<u>1.035.509.603</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	39.730.495	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	13.948.494.938
Cộng	<u>39.730.495</u>	<u>13.948.494.938</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.379.486.890	179.047.436.165	298.653.143	126.258.148	339.851.834.346
Tăng trong năm	4.376.762.129	144.904.408.252		11.928.182	149.293.098.563
<i>Mua sắm mới</i>		144.904.408.252		11.928.182	144.916.336.434
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	4.376.762.129				4.376.762.129
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán		(21.270.006.571)			(21.270.006.571)
Số cuối năm	<u>164.756.249.019</u>	<u>302.681.837.846</u>	<u>298.653.143</u>	<u>138.186.330</u>	<u>467.874.926.338</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		915.806.188	282.153.143	108.991.748	1.306.951.079
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	39.107.324.132	37.857.127.941	289.944.810	118.582.839	77.372.979.722
Tăng trong năm	11.423.750.700	23.232.278.415	5.500.000	9.332.000	34.670.861.115
<i>Khấu hao trong năm</i>	11.423.750.700	23.232.278.415	5.500.000	9.332.000	34.670.861.115
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán		(13.209.349.319)			(13.209.349.319)
Số cuối năm	<u>50.531.074.832</u>	<u>47.880.057.037</u>	<u>295.444.810</u>	<u>127.914.839</u>	<u>98.834.491.518</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	121.272.162.758	141.190.308.224	8.708.333	7.675.309	262.478.854.624
Số cuối năm	<u>114.225.174.187</u>	<u>254.801.780.809</u>	<u>3.208.333</u>	<u>10.271.491</u>	<u>369.040.434.820</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 329.720.372.438 VND và 226.721.655.566 VND đã được thế chấp để đảm bảo đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Chi nhánh An Phú.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	79.232.404.441	14.000.000	79.246.404.441
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	79.232.404.441	14.000.000	79.246.404.441
			-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.678.322.319	4.666.667	5.682.988.986
Tăng trong năm	1.584.648.089	4.666.667	1.589.314.756
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	7.262.970.408	9.333.334	7.272.303.742
			-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	73.554.082.122	9.333.333	73.563.415.455
Số cuối năm	71.969.434.033	4.666.666	71.974.100.699

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	73.954.209.525	70.950.198.727	(144.904.408.252)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	4.376.762.129	(4.376.762.129)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	12.209.585.264	-	12.209.585.264
Cộng	73.954.209.525	87.536.546.120	(149.281.170.381)	12.209.585.264

12. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn là 6,8%

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí nạo vét	7.218.425.481	159.000.000	(1.843.857.320)	5.533.568.161
Công cụ dụng cụ	356.222.722	25.700.000	(344.757.332)	37.165.390
Chi phí sửa chữa bù lún bãi container sau cầu tàu số 7	7.328.108.485	-	(7.328.108.485)	-
Cộng	14.902.756.688	184.700.000	(9.516.723.137)	5.570.733.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh An Phú. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	41.073.365.621	34.077.600.000
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả năm sau	39.177.455.078	41.073.365.621
Số tiền vay đã trả	(30.374.567.925)	(34.077.600.000)
Giảm khác trong năm (*)	(10.698.797.696)	
Số cuối năm	<u>39.177.455.078</u>	<u>41.073.365.621</u>

(*) Giảm khác là giảm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2012 theo lịch trả nợ cũ nhưng trong năm Công ty đã ký phụ lục hợp đồng thay đổi lịch trả nợ nên những khoản này lại chưa đến hạn trả nợ trong năm 2012 và được kết chuyển lại khoản mục vay dài hạn.

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần MCO Việt Nam	69.626.650	69.626.650
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Á Việt Thái	55.801.636	55.801.636
Kocks Krane GMBH		18.125.973.755
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Âu Việt	101.380.000	27.500.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	6.966.110.975	
Công ty TNHH Hưng Phát	1.515.600.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Xây dựng Hai Hai Mười Hai	186.863.160	
Các đối tượng khác	67.200.183	37.563.983
Cộng	<u>8.962.582.604</u>	<u>18.316.466.024</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	3.265.669.775	(1.500.000)	(3.264.169.775)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.365.105.277	(14.365.105.277)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.035.509.603)	5.100.320.710	(3.761.108.768)	303.702.339
Thuế thu nhập cá nhân	109.547.017	426.667.984	(383.727.195)	152.487.806
Tiền thuê đất	-	474.781.900	(269.082.900)	205.699.000
Các loại thuế khác	-	199.450.378	(199.450.378)	-
Cộng	<u>2.339.707.189</u>	<u>20.564.826.249</u>	<u>(22.242.644.293)</u>	<u>661.889.145</u>

(*) thuế phải nộp trong năm là điều chỉnh số thuế phải nộp đầu năm

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm), miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2012 là năm tài chính tài chính thứ 4 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và là năm thứ hai Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có tổng nguồn vốn và số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.322.513.698	54.593.670.880
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	25.256.010	664.437.008
- Các khoản điều chỉnh tăng	424.575.092	664.437.008
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	270.000.000	270.000.000
<i>Chi phí không có chứng từ hợp lệ</i>	13.604.000	3.300.000
<i>Các khoản phạt chậm nộp thuế</i>	137.441.092	
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	3.530.000	391.137.008
- Các khoản điều chỉnh giảm	(399.319.082)	
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	(5.922.874)	
<i>Chênh lệch quy đổi doanh thu phát sinh bằng ngoại tệ</i>	(2.259.200)	
<i>Hoàn nhập lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại công nợ phải trả cuối năm trước</i>	(391.137.008)	
Thu nhập chịu thuế	71.347.769.708	55.258.107.888
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế</i>	454.672.800	190.356.021
- <i>Thu nhập khác</i>	(5.142.973.342)	-
- <i>Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ nội địa</i>	76.036.070.250	55.067.751.867
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	71.347.769.708	55.258.107.888
- Thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế	454.672.800	190.356.021
- Thu nhập khác	(5.142.973.342)	55.067.751.867
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ nội địa	76.036.070.250	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	17.836.942.427	13.814.526.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3.567.388.485)	(2.753.387.593)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 (50%)	(7.134.776.971)	(5.506.775.187)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết của Quốc hội (30%)	(2.140.433.091)	(1.666.309.258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.994.343.880	3.888.054.934
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	105.976.830	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.100.320.710	3.888.054.934

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 59.796,2 m² đất đang sử dụng với mức 4.500 VND/m²/tháng của thửa đất số 99 thuộc bản đồ số 35 phường Cát Lái theo quy định tại Giấy phép đầu tư số 3704/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2000 của UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Từ ngày 01 tháng 9 năm 2012, tiền thuê đất được điều chỉnh từ 4.500 VND/m²/tháng lên 14.820 VND/m²/tháng theo Công văn 13037/STC-BVG ngày 28/12/2012 của Chi cục Thuế Quận 2

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	551.739.773
Chi phí tiền điện, tiền nước tháng 12	-	78.548.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa có hóa đơn	148.255.800	571.480.200
Cộng	148.255.800	1.201.768.800

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	12.809.104	29.064.848
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.797.724	9.476.000
Phải trả về cổ tức cho các cổ đông	250.825.856	323.779.656
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng góp vốn xây dựng Bến xà lan	4.700.000.000	4.700.000.000
Phải trả khác	35.962.446	2.272.263
Cộng	5.002.395.130	5.064.592.767

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	134.635.015	1.589.332.633	(316.500.000)	1.407.467.648
Quỹ phúc lợi	362.471.977	397.333.157	(147.307.000)	612.498.134
Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	43.766.366	883.723.139	-	927.489.505
Cộng	<u>540.873.358</u>	<u>2.870.388.929</u>	<u>(463.807.000)</u>	<u>2.947.455.287</u>

20. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 04.08.APU/TDH.01/114540.01 để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Đầu tư xây dựng Cảng Cát Lái tại khu đất Vitaco – Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay. Số tiền vay là 18.231.302 USD tương đương 293.993.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	39.177.455.078	41.073.365.621
Trên 1 năm đến 5 năm	99.910.841.789	137.739.025.350
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>139.088.296.867</u>	<u>159.275.345.446</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	137.739.025.350	179.105.908.219
Tăng khác (*)	10.698.797.696	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	49.840.000	903.600.000
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(81.066.179)	9.383.907.702
Số tiền vay đã trả trong năm	(9.318.300.000)	(10.581.024.950)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(39.177.455.078)	(41.073.365.621)
Số cuối năm	<u>99.910.841.789</u>	<u>137.739.025.350</u>

(*) xem thuyết minh V.14

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.593.000	8.593.000
Số trích lập bổ sung	-	-
Số đã chi	-	-
Kết chuyển tăng thu nhập khác trong năm	(8.593.000)	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>8.593.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.973.470.000	-	(8.517.979.660)	10.117.009.626	4.270.244.522	38.187.490.846	194.030.235.334
Cổ đông góp vốn bằng tiền trong năm	90.026.530.000	15.723.448.000	-	-	-	-	105.749.978.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	50.705.615.946	50.705.615.946
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(2.535.280.797)	(2.535.280.797)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(29.994.694.000)	(29.994.694.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	854.964	-	-	-	854.964
Phân bổ chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh	-	-	6.221.936.527	-	-	-	6.221.936.527
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm trước	-	-	253.252.446	-	-	-	253.252.446
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	15.723.448.000	(2.041.935.723)	10.117.009.626	4.270.244.522	56.363.131.995	324.431.898.420
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	15.723.448.000	(2.041.935.723)	10.117.009.626	4.270.244.522	56.363.131.995	324.431.898.420
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	66.222.192.988	66.222.192.988
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	5.846.390.446	4.832.278.127	(13.549.057.502)	(2.870.388.929)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(63.010.229.181)	(63.010.229.181)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	(253.252.446)	-	-	-	(253.252.446)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh	-	-	2.295.188.169	-	-	-	2.295.188.169
Số dư cuối năm nay	240.000.000.000	15.723.448.000	-	15.963.400.072	9.102.522.649	46.026.038.300	326.815.409.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	108.647.000.000	108.647.000.000
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	<i>50.147.000.000</i>	<i>50.147.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong</i>	<i>58.500.000.000</i>	<i>58.500.000.000</i>
Vốn góp của các cổ đông khác	131.353.000.000	131.353.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	15.723.448.000	15.723.448.000
Cộng	<u>255.723.448.000</u>	<u>255.723.448.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	43.272.953.800	29.785.287.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	19.810.229.181	-
Cộng	<u>63.083.182.981</u>	<u>29.785.287.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ dài hạn cuối năm trong giai đoạn đầu tư xây dựng hình thành tài sản cố định		(2.295.188.169)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ phải trả		391.137.008
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ phải thu		(7.103.896)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm		(130.780.666)
Cộng		<u>(2.041.935.723)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	143.053.767.000	133.786.000.000
Doanh thu bốc xếp	12.836.303.875	12.547.564.000
Doanh thu tiền điện tại cảng	8.434.089.398	5.504.193.823
Doanh thu vận tải quốc tế	4.241.672.800	2.063.217.840
Cộng	<u>168.565.833.073</u>	<u>153.900.975.663</u>

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ mà Công ty cung cấp. Chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.207.904.532	2.490.599.837
Chi nhân công trực tiếp	4.832.560.308	3.464.816.813
Chi phí sản xuất chung	65.321.392.304	51.479.308.880
Tổng chi phí sản xuất	71.361.857.144	57.434.725.530
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm	<u>71.361.857.144</u>	<u>57.434.725.530</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.627.272.227	2.717.484.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	151.593.468	245.780.134
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	335.875.175	22.934.753
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	83.459.052	-
Cộng	<u>3.198.199.922</u>	<u>2.986.199.332</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.966.356.229	18.108.961.864
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn đầu tư xây dựng hình thành tài sản cố định	2.295.188.169	6.221.936.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.056.071.470	5.550.708.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.383.907.702
Cộng	<u>16.317.615.868</u>	<u>39.265.515.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.260.279.656	2.962.432.751
Chi phí vật liệu quản lý	53.598.726	151.746.022
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.838.331	94.760.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.998.667	14.912.455
Thuế, phí và lệ phí	17.410.526	93.874.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.022.735.097	735.384.767
Chi phí bằng tiền khác	1.115.493.004	1.540.153.104
Cộng	<u>7.607.354.007</u>	<u>5.593.263.577</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.909.090.910	-
Hoàn nhập số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	8.593.000	-
Cộng	<u>2.917.683.910</u>	<u>-</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	8.060.657.252	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	11.718.936	-
Cộng	<u>8.072.376.188</u>	<u>-</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.222.192.988	50.705.615.946
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(229.163.100)
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	(229.163.100)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.222.192.988	50.476.452.846
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.000.000	16.272.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.759</u>	<u>3.102</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.000.000	14.997.347
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 11 năm 2011	-	1.275.376
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>24.000.000</u>	<u>16.272.723</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.488.729.729	2.737.105.974
Chi phí nhân công	10.552.889.265	6.427.249.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.260.175.871	37.579.465.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.634.909.012	10.085.258.120
Chi phí khác	2.032.507.274	6.198.910.238
Cộng	<u>78.969.211.151</u>	<u>63.027.989.107</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Cổ tức chi trả trong năm	136.202.400	
Thù lao chi trả trong năm	318.000.000	318.000.000

.Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	305.500.000	520.840.000
Tiền thưởng	499.200.000	546.600.000
Cộng	<u>804.700.000</u>	<u>1.067.440.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Cổ đông lớn
Công ty Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Doanh thu cho thuê bãi	143.053.767.000	133.786.000.000
Doanh thu nâng hạ container	7.322.469.000	1.651.279.000
Doanh thu xếp dỡ container	3.188.961.000	6.838.455.000
Doanh thu tiền điện tại cầu tàu	8.434.089.398	5.504.193.823
Chi trả cổ tức trong năm	9.026.460.000	6.000.000.000
Chi phí nhiên liệu mua trong năm	1.114.028.636	-
Chi phí tiền điện sử dụng cho cầu	582.883.019	-
Chi phí thuê văn phòng điện nước	220.713.907	200.127.755
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.454.545.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm	99.369.000	-
Chi trả cổ tức	2.025.000.000	1.500.000.000

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong

Chi trả cổ tức	10.530.000.000	7.800.000.000
----------------	----------------	---------------

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu tiền dịch vụ cung cấp trong năm	9.301.931.410	1.166.720.392

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Phải thu tiền dịch vụ cung cấp trong năm	109.305.900	-
Cộng nợ phải thu	<u>9.411.237.310</u>	<u>1.166.720.392</u>

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Vốn xây dựng Bến xà lan	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>4.700.000.000</u>	<u>4.700.000.000</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ cho thuê cảng biển.
- Các dịch vụ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	143.053.767.000	25.512.066.073	168.565.833.073
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.053.767.000	25.512.066.073	168.565.833.073
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	86.854.201.154	10.349.774.775	97.203.975.929
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7.607.354.007)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			89.596.621.922
Doanh thu hoạt động tài chính			3.198.199.922
Chi phí tài chính			(16.317.615.868)
Thu nhập khác			2.917.683.910
Chi phí khác			(8.072.376.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.100.320.710)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			66.222.192.988
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	74.454.952.383	13.278.221.919	87.733.174.302
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.489.491.253	23.287.407.755	45.776.899.008
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	(7.363.295.460)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.786.000.000	20.114.975.663	153.900.975.663
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.786.000.000	20.114.975.663	153.900.975.663
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	92.284.185.581	4.182.064.552	96.466.250.133
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.593.263.577)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			90.872.986.556
Doanh thu hoạt động tài chính			2.986.199.332
Chi phí tài chính			(39.265.515.008)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.888.054.934)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			50.705.615.946
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	101.866.267.988	-	101.866.267.988
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.720.997.523	6.766.375.696	29.487.373.219
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực cho thuê cảng biển</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	203.937.761.645	268.979.002.263	472.916.763.908
Tài sản phân bổ cho bộ phận	60.127.071	10.723.002	70.850.073
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			11.671.590.001
Tổng tài sản			<u><u>484.659.203.982</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.966.110.975	6.696.471.629	13.662.582.604
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	118.037.590.713	21.050.706.154	139.088.296.867
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.092.915.490
Tổng nợ phải trả			<u><u>157.843.794.961</u></u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	202.100.490.387	26.411.829.497	228.512.319.884
Tài sản phân bổ cho bộ phận	178.412.267.999	26.824.618.636	205.236.886.635
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			98.983.811.147
Tổng tài sản			<u><u>532.733.017.666</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.401.108.174	-	60.401.108.174
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	119.902.023.785	18.027.493.836	137.929.517.621
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			9.970.826.574
Tổng nợ phải trả			<u><u>208.301.452.369</u></u>

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	164.324.160.273	151.837.757.823
Khu vực nước ngoài	4.241.672.800	2.063.217.840
Cộng	<u><u>168.565.833.073</u></u>	<u><u>153.900.975.663</u></u>

Tất cả chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 67% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chiếm 42%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	39.177.455.078	99.910.841.789	-	139.088.296.867
Phải trả người bán	8.962.582.604	-	-	8.962.582.604
Các khoản phải trả khác	4.986.788.302	-	-	4.986.788.302
Cộng	53.126.825.984	99.910.841.789	-	153.037.667.773
Số đầu năm				
Vay và nợ	41.073.365.621	137.739.025.350	-	178.812.390.971
Phải trả người bán	18.316.466.024	-	-	18.316.466.024
Các khoản phải trả khác	5.026.051.919	-	-	5.026.051.919
Cộng	64.415.883.564	137.739.025.350	-	202.154.908.914

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty nguồn thu ổn định từ cho thuê cảng biển, do đó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Ngoài ra, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.124,76	4.348,18	70.208,00	227,54
Phải thu khách hàng	70.600,00	-	36.152,00	-
Các khoản phải thu khác	-	-	669.699,20	-
Vay và nợ	(5.941.950,95)	-	(4.949.325,00)	-
Phải trả người bán	-	-	(870.269,53)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(5.840.226,19)	4.348,18	(5.043.535,33)	227,54

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 704.305.792 VND (năm trước giảm/tăng 769.295.945 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay hiện tại của đơn vị được hưởng mức lãi suất cố định.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V9 và V20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 226.721.655.566 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 262.443.312.649 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.003.559.745	-	83.131.776.440	-	8.003.559.745	83.131.776.440
Phải thu khách hàng	13.785.542.937	-	2.628.388.149	-	13.785.542.937	2.628.388.149
Các khoản phải thu khác	13.000.000	-	14.258.147.716	-	13.000.000	14.258.147.716
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.258.600.000	-	-	-	2.258.600.000	-
Cộng	24.060.702.682	-	100.018.312.305	-	24.060.702.682	100.018.312.305

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	139.088.296.867	178.812.390.971	139.088.296.867	178.812.390.971
Phải trả người bán	8.962.582.604	18.316.466.024	8.962.582.604	18.316.466.024
Các khoản phải trả khác	4.986.788.302	5.026.051.919	4.986.788.302	5.026.051.919
Cộng	<u>153.037.667.773</u>	<u>202.154.908.914</u>	<u>153.037.667.773</u>	<u>202.154.908.914</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu số sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Lý Ngọc Tuyền

Ngô Phạm Viết Tuấn

Nguyễn Văn Quân